

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19-2018/NQ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ,
giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh,
nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Nghị quyết số 48/2017/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT NGHỊ:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Sau 4 năm thực hiện các Nghị quyết số 19 của Chính phủ, môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của nước ta liên tục được cải thiện. Năm 2017, nhìn chung, các bộ, ngành và địa phương đã tích cực và quyết liệt hơn trong thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và đã đạt được những kết quả tích cực; năng lực cạnh tranh quốc gia tăng 5 bậc so với năm 2016 (từ vị trí 60/138 lên vị trí 55/137 nền kinh tế); môi trường kinh doanh tăng 14 bậc (từ vị trí 82 lên vị trí 68/190 nền kinh tế); đổi mới sáng tạo cải thiện 12 bậc, đạt thứ hạng 47/127 nền kinh tế. Đó là những thứ hạng cao nhất mà Việt Nam đã đạt được cho đến nay.

Tuy nhiên, những cải thiện về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh vẫn chưa bền vững và chưa đạt được mục tiêu đề ra; thứ hạng của nhiều chỉ số còn thấp khá xa so với các nước trong khu vực và hầu như không có cải thiện cả về điểm số và thứ hạng trong nhiều năm qua; một số chỉ số quan trọng khác thậm chí còn tụt hạng. (Trong đó, hiệu quả thị trường hàng hoá, chất lượng cơ sở hạ tầng, giáo dục, trình độ phát triển kinh doanh và đổi mới công nghệ chậm cải thiện; khởi sự kinh doanh xếp thứ 123; giải quyết phá sản doanh nghiệp xếp thứ 129; đăng ký sở hữu và sử dụng tài sản liên tục giảm bậc, thời gian kéo dài 57,5 ngày và hiện xếp thứ 63; giải quyết tranh chấp hợp

đồng kéo dài 400 ngày và xếp thứ 66...). Một số ngành, lĩnh vực, địa phương còn chưa thực sự chủ động, quyết liệt và kết quả đạt được còn hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Để đạt được mục tiêu xếp hạng môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh bằng mức trung bình của các nước ASEAN 4 (gồm các nền kinh tế: Singapore, Malaysia, Thái Lan và Philippines) đòi hỏi phải có nỗ lực cải cách mạnh mẽ, toàn diện cả về quy mô và cường độ trên tất cả các lĩnh vực.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA

1. Tiếp tục bám sát các tiêu chí đánh giá về môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, về năng lực cạnh tranh của Diễn đàn Kinh tế thế giới, về năng lực đổi mới sáng tạo của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ thế giới, về Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc. Kiên định các mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết 19-2016/NQ-CP và Nghị quyết 19-2017/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; đến năm 2020, chất lượng môi trường kinh doanh Việt Nam ngang hàng với trung bình các nước ASEAN 4.

2. Tập trung cải thiện các chỉ số môi trường kinh doanh để năm 2018 tăng thêm từ 8 - 18 bậc trên bảng xếp hạng của Ngân hàng Thế giới; trong đó cải thiện mạnh mẽ các chỉ số hiện đang bị xếp hạng thấp. Cụ thể là:

a) Khởi sự kinh doanh tăng thêm ít nhất 40 bậc.

b) Giải quyết tranh chấp hợp đồng tăng thêm 10 bậc; giải quyết phá sản doanh nghiệp tăng thêm 10 bậc.

3. Hoàn thành việc bãi bỏ, đơn giản hóa 50% điều kiện đầu tư, kinh doanh; kiến nghị bãi bỏ một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

4. Giảm ít nhất 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm phải kiểm tra chuyên ngành; đồng thời, chuyển đổi mạnh mẽ cách thức quản lý nhà nước từ chủ yếu tiền kiểm sang chủ yếu hậu kiểm; xoá bỏ căn bản tình trạng một mặt hàng chịu quản lý, kiểm tra chuyên ngành của nhiều hơn một cơ quan; giảm tỷ lệ các lô hàng nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành tại giai đoạn thông quan từ 25 - 27% hiện nay xuống còn dưới 10%.

5. Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Đến hết 2018, hầu hết các dịch vụ công phổ biến, liên quan đến người dân, doanh nghiệp được cung cấp ở mức độ 3 và 4.

6. Nâng cao năng lực cạnh tranh ngành du lịch để du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; nâng cao năng lực cạnh tranh ngành dịch vụ logistics để tạo thuận lợi và giảm chi phí kinh doanh, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế. Cụ thể là:

a) Cải thiện năng lực cạnh tranh ngành du lịch thêm khoảng 10 bậc (hiện xếp thứ 67/136 quốc gia)¹.

b) Từng bước giảm chi phí logistics trong nền kinh tế xuống mức bằng khoảng 18% GDP (hiện hơn 20% GDP); cải thiện Chỉ số Hiệu quả logistics thêm khoảng 10 bậc (hiện xếp thứ 64/160 quốc gia)².

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh thuộc thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả đạt được trong phạm vi ngành, địa phương. Cụ thể là:

a) Các bộ, ngành xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, hoàn thành trước ngày 31 tháng 5 năm 2018, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, các nhiệm vụ phải thực hiện, các văn bản pháp luật phải bổ sung, sửa đổi, thời hạn hoàn thành và đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm, cách thức giám sát, đánh giá.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, hoàn thành trước ngày 31 tháng 5 năm 2018, trong đó tập trung các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Cải cách thủ tục hành chính, cải thiện các chỉ số khởi sự kinh doanh, cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan, tiếp cận điện năng, đăng ký sở hữu và sử dụng tài sản, nộp thuế và bảo hiểm xã hội theo thông lệ quốc tế.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ công; đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công (như thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội).

- Nâng cao chất lượng hạ tầng du lịch, y tế, chăm sóc sức khỏe, an ninh và an toàn, vệ sinh môi trường các khu, địa điểm du lịch.

- Thực hiện các giải pháp thiết thực giảm chi phí logistics như: Giảm ách tắc ở các cảng biển, cảng hàng không, nhất là cảng Cát Lái, cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất,... để giảm chi phí xăng dầu, tăng quay vòng đầu xe. Giảm tắc đường đến cảng Cái Mép, Thị Vải (Vũng Tàu) để giảm quá tải ở các

¹ Theo "Báo cáo cạnh tranh du lịch toàn cầu" được Diễn đàn Kinh tế thế giới công bố tháng 4 năm 2017.

² Theo "Báo cáo kết nối để cạnh tranh 2016: Logistic trong nền kinh tế toàn cầu" do Ngân hàng Thế giới công bố tháng 6 năm 2016 (Báo cáo công bố 2 năm một lần).

cảng Thành phố Hồ Chí Minh. Chỉ đạo áp dụng giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, hiệu quả kinh doanh đối với các đơn vị quản lý cảng biển, qua đó giảm chi phí logistics cho các chủ hàng.

- Phối hợp hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, giảm tối đa số lần thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, kể cả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.

- Thực hiện đánh giá tính sáng tạo và kết quả điều hành của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chỉ số cạnh tranh cấp sở, cấp huyện.

- Kết hợp thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ với cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

c) Thất chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường liêm chính, sáng tạo, nâng cao hiệu quả công vụ; chỉ đạo cán bộ, công chức, đặc biệt là người đứng đầu các đơn vị trực thuộc thay đổi thái độ làm việc phục vụ lợi ích của người dân và doanh nghiệp; kịp thời phát hiện và thay thế cán bộ, công chức chần chừ trong cải cách thủ tục hành chính, tháo bỏ rào cản, tạo thuận lợi cho đầu tư kinh doanh, hoặc có hành vi lạm dụng thẩm quyền, vị trí việc làm để tư lợi riêng.

d) Tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công trực tuyến; áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp... và chia sẻ cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ quản lý nhà nước; thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, thuê ngoài đối với các dịch vụ liên quan đến thanh toán, chi trả; đào tạo nhân lực công nghệ thông tin.

đ) Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đồng bộ, tránh chồng chéo, gây ảnh hưởng tới hoạt động doanh nghiệp, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh tra doanh nghiệp; đảm bảo quyền bình đẳng của doanh nghiệp trước pháp luật.

2. Về rà soát, cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh: Đối với các bộ đã rà soát, có quyết định bãi bỏ các điều kiện đầu tư, kinh doanh cụ thể, thì hoàn thành việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan, trình Chính phủ ban hành trong quý III/2018. Đối với các bộ chưa rà soát, chưa có kết quả rà soát, thì phải hoàn thành rà soát, xây dựng kế hoạch cắt giảm, bổ sung, sửa đổi các quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trước tháng 6/2018 và hoàn thành soạn thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh, trong đó bãi bỏ các điều kiện đầu tư, kinh doanh không còn cần thiết, trình Chính phủ trong quý III/2018.

3. Về cải cách các quy định về kiểm tra chuyên ngành:

a) Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) tập hợp, cung cấp danh mục hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành của các bộ quản lý chuyên ngành, trên cơ sở đó kiến nghị danh mục các mặt hàng kiểm tra chuyên ngành cần cắt giảm.

b) Các bộ, ngành cắt giảm ít nhất 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm phải kiểm tra chuyên ngành trong từng lĩnh vực ngay trong năm 2018. Danh mục hàng hóa cắt giảm phải kèm theo mã HS tương ứng quy định tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính và phải được quy định tại một quyết định cụ thể.

c) Trước ngày 31 tháng 10 năm 2018, hoàn thành việc rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan nhằm: (i) thay đổi chức năng, thẩm quyền của các bộ theo hướng đối với một mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu chỉ do một bộ, cơ quan chịu trách nhiệm quản lý; (ii) đổi mới phương thức quản lý nhà nước từ chủ yếu tiền kiểm sang chủ yếu hậu kiểm gắn liền áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân và (iii) không áp dụng hình thức kiểm tra đối với từng lô hàng, trừ kiểm dịch.

d) Tạo môi trường cạnh tranh, minh bạch khuyến khích phát triển thị trường các dịch vụ thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận; xóa bỏ độc quyền của một số tổ chức được các bộ quản lý chuyên ngành chỉ định như hiện nay.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan liên quan cải thiện thứ hạng chỉ số Khởi sự kinh doanh theo đúng mục tiêu đã định; tăng xếp hạng chỉ số khởi sự kinh doanh thêm ít nhất 40 bậc trên bảng xếp hạng.

- Kết hợp công bố thông tin doanh nghiệp cùng thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp; hoàn thành trước tháng 6/2018.

- Kiến nghị giảm tối thiểu 50% phí công bố thông tin doanh nghiệp.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan: (i) soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thời hạn trình Chính phủ tháng 6/2019 và (ii) soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, trình Chính phủ trong quý III/2018 nhằm khắc phục bất hợp lý, chưa rõ ràng, chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn và khác nhau trong các nội dung có liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan báo cáo Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội trước tháng 10/2018 Danh mục ngành nghề loại bỏ khỏi Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục IV Luật Đầu tư số 67/2014/QH13.

d) Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao đăng tải thông tin về vụ việc phá sản, danh sách chủ nợ tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu đưa một số chỉ số về đổi mới sáng tạo vào thống kê quốc gia, thực hiện thống kê theo định kỳ.

5. Bộ Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp dân sự bằng phương thức ngoài tố tụng tòa án theo hướng thống nhất, đồng bộ, đảm bảo hiệu lực thực thi và bảo vệ quyền sở hữu tài sản.

b) Tập trung tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn công tác thi hành án dân sự và công tác xử lý phá sản.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Xây dựng, Công an và các cơ quan liên quan kiến nghị xây dựng dự án Luật đăng ký tài sản hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về đăng ký tài sản tại các luật liên quan (như Luật Đất đai, Luật Nhà ở) để các thủ tục về đăng ký tài sản được thuận tiện, bảo đảm quyền tài sản của người dân, doanh nghiệp.

d) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và các bộ, ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất giải pháp xây dựng và triển khai hệ thống đăng ký giao dịch bảo đảm hiện đại, tăng cường cơ chế bảo vệ quyền chủ nợ,... góp phần nâng cao điểm số và thứ hạng chỉ số Tiếp cận tín dụng theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới.

6. Bộ Tài chính:

a) Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện chỉ số Nộp thuế theo mục tiêu đề ra tại các Nghị quyết số 19; phấn đấu giảm thời gian nộp thuế (không bao gồm thời gian nộp bảo hiểm xã hội) xuống còn 119 giờ. Công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, bảo đảm kiểm tra 100% hồ sơ hoàn thuế thuộc diện phải kiểm tra và phấn đấu đến năm 2020 đảm bảo 100% hồ sơ khiếu nại của người nộp thuế được giải quyết đúng thời gian quy định của pháp luật. Công khai, minh bạch các quy định của Luật Quản lý thuế, các quy trình thanh tra, giải quyết khiếu nại và hoàn thuế giá trị gia tăng.

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cải thiện điểm số và thứ hạng chỉ số Khởi sự kinh doanh theo cách tiếp cận của Ngân hàng Thế giới.

c) Giải quyết căn bản các vướng mắc về xác định, tham vấn xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với Hiệp định xác định trị giá tính thuế hải quan.

d) Giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp về thời gian làm việc của Chi cục Hải quan chuyên phát nhanh theo hướng đơn vị này phải bố trí nhân lực để làm thủ tục hải quan 24/7 cho hàng hoá xuất nhập khẩu vận chuyển theo đường chuyên phát nhanh.

đ) Giải quyết vướng mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, trong đó có vấn đề miễn thuế đối với phế liệu, phế phẩm và nguyên liệu, vật tư dư thừa đã nhập khẩu để gia công theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

e) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương sửa đổi quy định về phí dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm tra chất lượng đối với hàng hoá, trong đó có các quy định về phí, lệ phí tại các Thông tư: 230/2016/TT-BTC, 279/2016/TT-BTC, 284/2016/TT-BTC, 285/2016/TT-BTC, 286/2016/TT-BTC theo hướng giảm mức phí và giới hạn mức phí tối đa đối với một lô hàng.

g) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát hàng hóa và phương tiện vận tải chuyên chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh đang nằm trong sự giám sát hải quan; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, đảm bảo kết nối thông tin thống nhất giữa các cơ quan quản lý, đơn vị kiểm tra chuyên ngành với Tổng cục Hải quan và Cổng thông tin một cửa quốc gia, giữa cơ quan hải quan với các đơn vị cung cấp dịch vụ logistics đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

h) Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan thực hiện hiệu quả Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN. Cụ thể là trong năm 2018: (i) Triển khai đủ 130 thủ tục hành chính mới theo đăng ký tại Kế hoạch tổng thể triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN giai đoạn 2016 - 2020 kèm theo Quyết định số 2185/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; (ii) Trình Chính phủ Nghị định quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; (iii) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an và các bộ ngành xây dựng và triển khai hệ thống công nghệ thông tin phục vụ Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN, đảm bảo tính kết nối, tính hệ thống, an ninh, an toàn về thông tin và cơ sở dữ liệu; (iv) Triển khai phương án đầu tư hệ thống dự phòng cho Cổng thông tin một cửa quốc gia.

i) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công an, Giao thông vận tải và các đơn vị có liên quan triển khai Cơ chế một cửa quốc gia đường hàng không theo Quyết định số 43/2017/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định trách nhiệm thực hiện thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua cơ chế một cửa quốc gia, đảm bảo hài hòa, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

7. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương:

a) Thực hiện các giải pháp thiết thực, giảm chi phí logistics:

- Thực hiện các giải pháp giảm chi phí vận tải như: Rà soát, giảm chi phí cầu, đường, nhất là phí BOT; chuyển vị trí các trạm BOT có vị trí không còn phù hợp; thực hiện thu phí BOT tự động, không dừng. Lập lại trật tự, chấn chỉnh ngay tình trạng các hãng tàu tùy tiện đưa ra các loại phí đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.

- Nghiên cứu, hoàn thiện quy hoạch xây dựng cảng cạn (ICD) trên cả nước theo hướng cân đối giữa các vùng, cân đối hàng xuất khẩu và nhập khẩu, tăng tỷ lệ vận chuyển 2 chiều,... để hỗ trợ các chủ hàng giảm chi phí vận tải, giảm chi phí thông quan hàng hóa.

- Hỗ trợ các đơn vị vận tải thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin giữa các chủ hàng, đơn vị vận tải để tăng tỷ lệ vận tải hai chiều, nâng cao hiệu quả của các đơn vị vận tải.

b) Thực hiện các giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng logistics:

- Nghiên cứu phát triển vận tải thủy nội địa; nghiên cứu từng bước xây dựng các cảng thủy nội địa có trang thiết bị hiện đại, đặc biệt tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long để kết nối vận chuyển về cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh và cảng biển Vũng Tàu; và đồng bằng sông Hồng để kết nối vận chuyển về các cảng quốc tế ở Hải Phòng.

- Giao Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phối hợp cơ quan liên quan: (i) nghiên cứu, đưa vào sử dụng các đoàn tàu chở hàng hóa, nhất là hàng xuất khẩu sang Trung Quốc và về cảng quốc tế Hải Phòng; (ii) nâng cao năng lực vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt, giảm thời gian, tăng độ tin cậy và chất lượng dịch vụ; thực hiện kết nối tốt hơn đường sắt với hệ thống đường bộ, hàng hải, hàng không, đường thủy nội địa.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cấp và phát triển hạ tầng sân bay, vận tải hàng không; khuyến khích xã hội hóa đầu tư, quản lý, vận hành sân bay.

- Phát triển sàn giao dịch logistics nhằm tối ưu hóa vận tải hai chiều hàng hóa, container.

- Nghiên cứu đầu tư mở rộng công trình giao thông, kho bãi, trung tâm logistics trên các tuyến đường, hành lang kết nối các cảng biển và cảng thủy nội địa của Việt Nam với Lào, Campuchia, Thái Lan và Nam Trung Quốc.

- Nghiên cứu phát triển các trung tâm logistics hàng không, trong đó chú trọng trung tâm logistics kết nối cảng hàng không, phục vụ các mặt hàng đặc biệt (hàng nguy hiểm, hàng giá trị cao, hàng công nghệ cao, hàng cần chế độ bảo quản đặc biệt,...).

- Triển khai thực hiện định hướng phát triển 03 trung tâm logistics chuyên dụng hàng không phục vụ các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất được phê duyệt tại Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

8. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương:

a) Nghiên cứu, phát triển sản phẩm du lịch chủ đạo như du lịch biển, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái; định vị điểm đến nghỉ dưỡng biển có sức hấp dẫn cao. Mở rộng phát triển các sản phẩm du lịch mới, có tiềm năng như du lịch công vụ, du lịch cộng đồng, du lịch mạo hiểm, du lịch chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; du lịch golf; du lịch vui chơi giải trí, công viên chuyên đề, tham dự sự kiện, trình diễn nghệ thuật.

b) Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch, gồm nhân lực quản lý, quản trị và lao động nghề:

- Tăng cường năng lực đào tạo của hệ thống các cơ sở đào tạo du lịch trên cả nước. Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và đào tạo viên du lịch.

- Xây dựng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực du lịch. Khuyến khích việc đào tạo tại doanh nghiệp du lịch, các cơ sở đào tạo ngoài công lập và các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực du lịch, tiếp thu trình độ công nghệ tiên tiến quốc tế.

c) Phát triển hạ tầng du lịch, cơ sở lưu trú có chất lượng cao và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch:

- Rà soát các quy định pháp luật về du lịch và dịch vụ liên quan; bãi bỏ hoặc kiến nghị bãi bỏ các quy định không hợp lý, không còn phù hợp; cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính; cải thiện hơn quyền tự do kinh doanh, tăng mức độ an toàn và giảm chi phí kinh doanh.

- Xem xét tiến độ đầu tư phát triển các trung tâm, công trình hạ tầng du lịch hiện có; xác định những khó khăn, vướng mắc; trực tiếp hỗ trợ giải quyết, đồng thời, khuyến khích đẩy nhanh tiến độ đầu tư mở rộng.

- Nghiên cứu thuê tư vấn (có thể tư vấn chuyên nghiệp nước ngoài) xây dựng quy hoạch sử dụng các tài nguyên du lịch (thiên nhiên và văn hóa); xây dựng các trung tâm, điểm du lịch; thực hiện đấu thầu xây dựng, sử dụng và phát triển tài nguyên du lịch theo hình thức hợp tác công - tư (PPP),...

- Phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi đầu tư đối với phát triển hạ tầng du lịch.

- Thu hút đầu tư phát triển sản phẩm du lịch quy mô lớn, chất lượng cao tại các địa bàn trọng điểm và khu vực động lực phát triển du lịch, trước mắt là tại các khu vực có định hướng phát triển trở thành đặc khu kinh tế của cả nước.

- Tiêu chuẩn hóa và kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ và các điều kiện, tiện nghi phục vụ du lịch, bảo đảm an toàn, an ninh, vệ sinh môi trường và phát triển bền vững.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng hệ thống nhà vệ sinh, trạm dừng nghỉ, nhà hàng, cơ sở mua sắm bảo đảm yêu cầu phục vụ khách du lịch.

- Tăng cường tính kết nối và đảm bảo sự đồng bộ về chất lượng trong chuỗi cung ứng sản phẩm du lịch.

d) Phát triển du lịch bền vững:

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành bộ tiêu chí phát triển du lịch bền vững (dựa trên các chuẩn mực, kinh nghiệm quốc tế tốt).

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế để người dân và giới khoa học tích cực tham gia phản biện quy hoạch, dự án và giám sát tuân thủ trong quá trình thực hiện.

đ) Tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch:

- Đổi mới và đa dạng hóa phương thức xúc tiến du lịch; tăng cường xúc tiến du lịch thông qua việc khuyến khích các công ty lữ hành quốc tế trải nghiệm du lịch ở nước ta.

- Khuyến khích các doanh nghiệp mở văn phòng tiếp thị du lịch ở nước ngoài, tham gia các hội chợ du lịch quốc tế lớn, các chiến dịch quảng cáo trên các phương tiện truyền thông quốc tế, quốc gia, các hoạt động e-marketing; chú trọng hoạt động tiếp thị du lịch tại các thị trường nguồn.

- Tuyên truyền về ý nghĩa và tầm quan trọng của kết nối, hợp tác, chia sẻ lợi ích giữa các đối tác trong chuỗi dịch vụ du lịch.

- Biên soạn tài liệu và tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền phát triển du lịch cộng đồng, lan truyền và nâng cao nhận thức về du lịch cộng đồng.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu thị trường.

- Xây dựng cơ chế tập trung nguồn lực cho hoạt động xúc tiến du lịch quốc gia, bảo đảm hoạt động linh hoạt, liên kết chặt chẽ với các ngành, địa phương và doanh nghiệp.

- Tổ chức, sắp xếp lại các hội chợ du lịch trong nước nhằm tránh phân tán; tập trung nguồn lực, nâng cao tính chuyên nghiệp cho các hội chợ quy mô quốc gia và quốc tế.

- Tăng cường nguồn lực từ Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch cho công tác xúc tiến quảng bá du lịch.

e) Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch:

- Triển khai áp dụng mạnh mẽ bộ tiêu chí đánh giá điểm đến du lịch ở các địa phương.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển du lịch thông minh.

g) Nghiên cứu thay đổi căn bản hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá, vật phẩm xuất nhập khẩu, đặc biệt là hàng hoá, vật phẩm xuất nhập khẩu qua đường chuyển phát nhanh.

9. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, cơ quan, địa phương:

a) Nghiên cứu, đề xuất cải thiện quy định về thị thực:

- Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chính sách thị thực hiện hành, bao gồm việc miễn thị thực, cấp thị thực du lịch, cấp thị thực điện tử như: Mở rộng diện miễn visa du lịch, cấp visa qua mạng (Visa Online), đơn giản hóa thủ tục xin và duyệt cấp visa tại cửa khẩu (Visa On Arrival).

- Nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định hiện hành theo hướng: (i) tăng số ngày miễn visa từ 15 ngày lên 30 ngày cho công dân 12 nước đã được miễn visa³ phù hợp với độ dài các tour xuyên Việt và số ngày nghỉ phép của du khách; (ii) bổ sung thêm một số nước vào diện miễn visa du lịch⁴, (iii) kéo dài thời hạn các chương trình miễn visa du lịch hiện đang là “từng năm” lên mỗi giai đoạn dài 5 năm hoặc 10 năm để các doanh nghiệp hàng không, du lịch yên tâm đầu tư đủ mạnh vào các hoạt động xúc tiến du lịch tại các thị trường; và (iv) bỏ quy định “mỗi lần nhập cảnh phải cách ngày xuất cảnh khỏi Việt Nam lần trước ít nhất 30 ngày”.

b) Sửa đổi quy định về hồ sơ đăng ký lưu hành xe ô tô, xe gắn máy theo hướng bãi bỏ việc nộp tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe gắn máy nhập khẩu.

³ Gồm Nga, Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Ý, Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản,...

⁴ Có thể gồm: Canada, Úc, New Zealand, Bỉ, Thụy Sĩ, Hà Lan,...

10. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương:

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng.

- Xây dựng quy trình thực hiện các thủ tục về tiếp cận điện năng, đảm bảo minh bạch, thống nhất về thủ tục, thời gian thực hiện và trách nhiệm giải quyết của mỗi cơ quan.

- Thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” giữa điện lực và các cơ quan quản lý nhà nước để tổ chức thực hiện đồng thời các công việc liên quan đến cấp phép với mục tiêu tổng thời gian giải quyết của ngành điện và các cơ quan nhà nước không quá 10 ngày. Thí điểm áp dụng quy trình liên thông này tại Thành phố Hồ Chí Minh trong quý III/2018 và tại các tỉnh, thành phố khác trong năm 2018.

- Theo dõi, đánh giá và giám sát việc cải thiện chỉ số tiếp cận điện năng.

b) Theo dõi, giám sát đảm bảo thực thi đầy đủ, nhất quán việc cắt giảm các quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Tiếp tục rà soát, kiến nghị bãi bỏ, đơn giản hóa các quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh; đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế rà soát, ban hành quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của bộ. Đến hết năm 2020, cơ bản hoàn thành các quy chuẩn kỹ thuật chính về an toàn thực phẩm cho các nhóm đối tượng và phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Rà soát lại các quy chuẩn Việt Nam đối với các sản phẩm, hàng hóa khác do Bộ Công Thương quản lý, trên cơ sở đó đưa ra phương án điều chỉnh, cắt giảm phù hợp nhằm giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh của các loại hàng.

d) Thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp logistics và nâng cao chất lượng dịch vụ logistics:

- Hỗ trợ các doanh nghiệp logistics nâng cao năng lực kinh doanh, nâng cao năng lực quản lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Phối hợp với các Bộ: Tài chính, Giao thông vận tải và các Hiệp hội doanh nghiệp thúc đẩy phát triển thuê ngoài dịch vụ logistics; tuyên truyền cho các chủ hàng sử dụng nhiều hơn dịch vụ của các doanh nghiệp chuyên cung cấp các dịch vụ hậu cần theo hướng chuyên môn hóa, phân công lao động hợp lý trong chuỗi cung ứng.

- Khuyến khích một số khu công nghiệp, khu chế xuất cung cấp dịch vụ logistics khép kín nhằm hỗ trợ doanh nghiệp rút ngắn thời gian, chi phí giao nhận nguyên vật liệu và sản phẩm.

11. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý chuyên ngành:

- Nghiên cứu sửa đổi căn bản các quy định hiện hành về thủ tục công bố hợp chuẩn, hợp quy theo hướng người sản xuất là người có trách nhiệm công bố, việc công bố áp dụng cho dòng sản phẩm, không yêu cầu công bố đối với từng mặt hàng, từng lô hàng; sửa đổi căn bản các quy định hiện hành về thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hoá theo hướng chủ yếu thực hiện hậu kiểm gắn liền áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, đánh giá mức độ tuân thủ của từng doanh nghiệp; khắc phục tình trạng một mặt hàng nhập khẩu vừa phải công bố hợp quy, vừa phải kiểm tra chất lượng từng lô hàng và tình trạng thủ tục kiểm tra hai bước, do hai cơ quan, đơn vị khác nhau thực hiện.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, có hiệu quả vai trò chủ trì thực hiện Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hoá; theo dõi, giám sát việc hướng dẫn và thực hiện của các bộ quản lý chuyên ngành, đảm bảo thực hiện thống nhất, đúng quy định của luật. Rà soát, đề nghị các bộ liên quan bãi bỏ ngay các mặt hàng phải kiểm tra chuyên ngành do các bộ mở rộng quá quy định của pháp luật.

- Xây dựng, ban hành kịp thời, đầy đủ hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quản lý quy trình sản xuất, dịch vụ.

- Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển các dịch vụ thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận,... tạo niềm tin của người tiêu dùng đối với chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

- Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu; theo dõi, giám sát, đánh giá và thanh, kiểm tra dựa trên đánh giá về mức độ rủi ro và tuân thủ luật pháp của doanh nghiệp; đồng thời, nâng cao mức độ xử phạt và thực hiện xử lý nghiêm minh các vi phạm quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

- Chủ trì nghiên cứu đề xuất sửa đổi các luật quản lý chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hoá (bao gồm cả Luật An toàn thực phẩm) để đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và cam kết tại các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

b) Phát triển và nâng cấp hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo và vườn ươm công nghệ; lấy doanh nghiệp làm trung tâm, khuyến khích đổi mới sáng tạo.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu và công bố thông tin đầy đủ về kết quả nghiên cứu, ứng dụng của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện bằng ngân sách nhà nước trước quý IV/2018.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan rà soát, kiến nghị điều chỉnh việc phân công nhiệm vụ thực hiện các chỉ số Đổi mới sáng tạo.

12. Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực quản lý của bộ.

b) Nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử để phù hợp với môi trường kinh tế số và xây dựng Chính phủ điện tử.

c) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan khẩn trương rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện khung khổ pháp lý đối với thẻ viễn thông, thẻ game; kiểm soát chặt chẽ việc phát hành và sử dụng thẻ viễn thông, thẻ game của các công ty viễn thông; tăng cường quản lý chặt chẽ hoạt động cung ứng các trò chơi điện tử trực tuyến nhằm ngăn chặn các hình thức cờ bạc trá hình, bất hợp pháp.

d) Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện trực tích hợp dữ liệu quốc gia để thực hiện liên thông dữ liệu giữa các bộ, ngành phục vụ cho công tác quản lý và thực hiện giao dịch điện tử.

đ) Tổ chức hướng dẫn các bộ, ngành đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích giúp cho người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính hiệu quả hơn.

13. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện giải pháp cần thiết giảm thời gian Đăng ký sở hữu và sử dụng tài sản xuống còn 20 ngày; bãi bỏ hồ sơ không cần thiết, đơn giản hóa nội dung hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục, thực hiện kết nối điện tử liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai và các pháp luật có liên quan đến đất đai; soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan đến bảo vệ môi trường; bảo đảm thống nhất các quy định về đất đai, bảo vệ môi trường và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Thời hạn hoàn thành chậm nhất tháng 6/2019.

c) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định theo hướng không áp dụng thủ tục “Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường” đối với các công trình điện trung áp do thực tế các công trình này không làm phát sinh các vấn đề về ô nhiễm môi trường.

d) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường theo hướng giám sát thường xuyên, thanh tra, kiểm tra theo mức độ rủi ro về ô nhiễm môi trường và mức độ tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

đ) Tạo điều kiện thuận lợi cho ngành toà án tiếp cận thông tin về đăng ký đất đai và tài sản gắn liền trên đất trong quá trình thực hiện giải quyết tranh chấp tài sản liên quan đến đất đai nhằm rút ngắn thời gian và phòng ngừa các sai lầm trong giải quyết tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại.

e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về nước thải nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế đối với ngành chế biến thủy sản:

- Tạo cơ chế thỏa thuận hợp lý giữa nhà máy thủy sản trong khu công nghiệp với Ban Quản lý Khu công nghiệp các tỉnh nhằm đảm bảo sự công bằng và hài hòa trong áp dụng quy chuẩn về nước thải chế biến thủy sản.

- Thống nhất áp dụng quy chuẩn QCVN 02-20:2014/BNNPTNT cho nước thải từ ao nuôi cá tra trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Rà soát, bãi bỏ, sửa đổi các chỉ tiêu (như Phospho, Amoni, Nitơ,...) trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của nhà máy chế biến thủy sản; hoàn thành trong năm 2018.

- Có văn bản chỉ đạo thực hiện nghiêm Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, trong đó không yêu cầu các doanh nghiệp thủy sản phải lấy mẫu - kiểm nghiệm và trả phí bảo vệ môi trường cho các chỉ tiêu ô nhiễm không có trong QCVN 11:2015.

g) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính sửa đổi bất hợp lý về thời gian ký quỹ nhập khẩu phế liệu quy định tại khoản 1 Điều 59 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu theo hướng doanh nghiệp chỉ phải nộp giấy xác nhận ký quỹ tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu.

h) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại các địa phương; xử lý nghiêm và kịp thời các trường hợp vi phạm trong việc quy định thêm thủ tục, hồ sơ, không thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính.

14. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về xếp loại doanh nghiệp và sản phẩm trong quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với thủy sản nhập khẩu tại Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo nguyên tắc quản lý rủi ro, phân luồng ưu tiên.

b) Xem xét, sớm giải quyết khó khăn đối với doanh nghiệp như: (i) thủ tục kiểm dịch động vật hai giai đoạn, tại hai cấp của cơ quan thú y; (ii) khái niệm “sản phẩm động vật” tại Phụ lục I Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn và Phụ lục 22 Thông tư số 24/2017/TT-BNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 ban hành bảng mã số HS đối với hàng hóa chuyên ngành xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cho diện hàng hoá phải kiểm dịch động vật quá rộng, quá mức cần thiết (chỉ nên kiểm dịch đối với các sản phẩm tươi sống hoặc sơ chế); (iii) tình trạng hai đơn vị cùng kiểm tra một lô hàng hoặc một đơn vị kiểm tra theo quy định của hai luật nhưng với hai thủ tục khác nhau, cấp hai giấy chứng nhận; (iv) bất cập về kiểm dịch và phí kiểm dịch, kiểm tra chất lượng đối với thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu ở dạng hàng rời.

Nghiên cứu áp dụng quy định về miễn công bố hợp quy tại khoản 2 Điều 4, về miễn kiểm tra chất lượng tại các khoản từ 1 đến 7 Điều 13 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm trong quản lý chất lượng đối với thức ăn chăn nuôi.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế rà soát, ban hành quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, đến hết năm 2020, cơ bản hoàn thành các quy chuẩn kỹ thuật chính về an toàn thực phẩm cho các nhóm đối tượng và phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

d) Đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung Công văn số 1152/TTg-KTTH ngày 07 tháng 7 năm 2010 về việc tăng cường quản lý sản phẩm đông lạnh nhập khẩu theo hướng áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, cho phép doanh nghiệp kinh doanh có lịch sử tuân thủ tốt đưa hàng về kho bảo quản của doanh nghiệp để thực hiện việc kiểm dịch theo quy định.

đ) Thực hiện xã hội hóa thực chất các hoạt động kiểm nghiệm; công nhận kết quả của các phòng kiểm nghiệm tư nhân được chỉ định ngoài hệ thống của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản trong việc cấp giấy Chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm (Chứng thư).

15. Bộ Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý của bộ. Trong khi chưa ban hành được các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì ban hành các chỉ tiêu cụ thể về an toàn thực phẩm, hoàn thành trong năm 2018. Đến hết năm 2020, cơ bản hoàn thành các quy chuẩn kỹ thuật chính về an toàn thực phẩm cho các nhóm đối tượng và phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

b) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm theo hướng: (i) bãi bỏ quy định “muối dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường I-ốt” tại điểm a khoản 1 Điều 6; (ii) bãi bỏ quy định “Bột mì dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường sắt và kẽm” tại điểm b khoản 1 Điều 6. Thay vào đó, chỉ nên khuyến khích doanh nghiệp chế biến thực phẩm sử dụng.

c) Chỉ đạo cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Hội đồng Giám định y khoa kết nối cơ sở dữ liệu về khám bệnh, chữa bệnh; dữ liệu về cấp hồ sơ, giấy tờ làm căn cứ thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội với Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam để thực hiện giao dịch điện tử phục vụ quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; giải quyết, chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội. Ban hành đầy đủ, cụ thể các quy trình chuyên môn, hướng dẫn điều trị và điều kiện thanh toán bảo hiểm y tế để áp dụng giám định điện tử.

d) Phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) hướng dẫn, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về an toàn thực phẩm nhằm tạo bước chuyển biến đột phá trong quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá xuất nhập khẩu, làm tiền đề cải cách thủ tục trong các lĩnh vực quản lý, kiểm tra chuyên ngành khác.

đ) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, xây dựng văn bản quy định mức giới hạn an toàn về các chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh trong sản phẩm thủy sản tiêu dùng trong nước tương đương mức giới hạn an toàn của các chỉ tiêu này trong sản phẩm thủy sản xuất khẩu.

16. Bộ Xây dựng:

a) Đẩy nhanh việc soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị, trình Quốc hội cho ý kiến trong tháng 5/2018.

b) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách quy trình, thủ tục hành chính về cấp phép xây dựng; ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện trực tuyến các thủ tục cấp phép xây dựng (bao gồm thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế kỹ thuật, cấp giấy phép xây dựng) để giảm chi phí, nhất là chi phí không chính thức.

17. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp cải thiện và minh bạch hóa thông tin tín dụng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được bình đẳng và thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng theo cơ chế thị trường.

18. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành:

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp nhằm đảm bảo hiệu quả thực thi chính sách và khuyến khích doanh nghiệp phát triển. Đề xuất Chính phủ xem xét trình Quốc hội sớm đưa vào sửa đổi các vướng mắc, bất cập trong các Bộ luật liên quan đến bảo hiểm xã hội - tiền lương - công đoàn.

b) Chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu kết hợp thủ tục đăng ký lao động và đăng ký bảo hiểm xã hội nhằm cải thiện chỉ số Khởi sự kinh doanh.

c) Ban hành đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ trong năm 2018.

d) Đẩy mạnh thực hiện giao dịch điện tử:

- Triển khai thực hiện giao dịch điện tử trong khai trình lao động đối với các doanh nghiệp, đơn vị; tạo lập và liên thông cơ sở dữ liệu về quản lý lao động với cơ sở dữ liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cập nhật cơ sở dữ liệu về an toàn vệ sinh lao động, lao động, việc làm về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm xã hội Việt Nam để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

đ) Sửa đổi quy định hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo hướng tăng cường xã hội hóa hoạt động này; nghiên cứu, đề xuất giao cho doanh nghiệp tự đào tạo, huấn luyện đối với nhóm người lao động không làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; rà soát, cắt giảm các điều kiện, thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp khi tự huấn luyện cho cán bộ an toàn lao động, người làm công tác y tế, người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động.

19. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Khẩn trương thực hiện rà soát, kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi các điều kiện kinh doanh thuộc trách nhiệm quản lý của bộ theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

b) Hoàn thiện chính sách nâng cao chất lượng của các cơ sở giáo dục đào tạo; xây dựng cơ chế và thúc đẩy hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

c) Mở rộng quyền tự chủ tuyển sinh, tự chủ tài chính, tự chủ về chương trình, nội dung đào tạo và khảo thí cho các cơ sở giáo dục đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi cung ứng dịch vụ giáo dục đào tạo theo cơ chế thị trường gắn với việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng và đầu ra.

d) Đẩy nhanh việc soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

đ) Xây dựng và công bố thường niên Chỉ số phát triển giáo dục địa phương; tiếp tục thực hiện Đề án đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

20. Bộ Ngoại giao:

a) Đẩy mạnh vận động chính trị, ngoại giao để thúc đẩy các đối tác tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, thương mại của doanh nghiệp Việt Nam tại nước ngoài.

b) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch; tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển du lịch và lĩnh vực logistics.

21. Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

a) Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện giao dịch điện tử đối với các thủ tục kê khai, thu nộp và giải quyết chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; Phân đấu giảm thời gian nộp bảo hiểm xã hội xuống còn 49 giờ.

b) Phát triển Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế, nâng cao chất lượng công tác giám định bảo hiểm y tế, đặc biệt là giám định điện tử để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, đảm bảo quyền lợi người bệnh bảo hiểm y tế.

c) Đổi mới quản lý, giảm biên chế, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả quản lý Quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

22. Văn phòng Chính phủ:

a) Triển khai thực hiện và tổ chức kiểm tra, giám sát việc cải cách thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Theo dõi, đôn đốc, tham mưu việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 ở các bộ, ngành, địa phương.

b) Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, phân loại và phối hợp giải quyết phản ánh, kiến nghị, phản biện chính sách của doanh nghiệp và người dân tại Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan tăng cường tổ chức Đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết. Sử dụng kết quả thực hiện Nghị quyết làm căn cứ quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động của từng bộ, cơ quan, địa phương tại phiên họp thường kỳ tháng 12 hàng năm của Chính phủ.

23. Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ

Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến cải cách cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính; đánh giá độc lập việc thực hiện cắt, giảm, đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh và chi phí cho doanh nghiệp của các bộ, ngành, địa phương; tiếp tục tổ chức hội nghị đối thoại giữa các cơ quan nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư thương mại.

24. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, các Hiệp hội doanh nghiệp, Hiệp hội ngành nghề:

a) Khảo sát, đánh giá độc lập về chất lượng thực hiện thủ tục hành chính, đưa ra các khuyến nghị với Chính phủ.

b) Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tiến hành điều tra và công bố thường niên Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); hỗ trợ, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cải thiện Chỉ số PCI kết nối với việc thực hiện nhiệm vụ tại các Nghị quyết số 19; nghiên cứu đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với một số lĩnh vực như thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, tiếp cận điện năng,...; nghiên cứu xếp hạng tín nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp đối với các bộ, ngành và địa phương.

c) Tổ chức thu thập ý kiến phản biện chính sách, những vướng mắc, khó khăn trong thực hiện thủ tục hành chính của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư để phản ánh với cơ quan có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Phối hợp với các bộ, cơ quan, các hiệp hội doanh nghiệp lập các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược cạnh tranh, áp dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, xây dựng thương hiệu, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các chương trình phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường hội nhập quốc tế.

đ) Phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và triển khai chương trình nâng cao năng lực hoạt động cho các hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam.

e) Phối hợp với các bộ, ngành áp dụng Bộ Chỉ số doanh nghiệp bền vững (CSI) để triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp bền vững. Thực hiện đánh giá xếp hạng doanh nghiệp bền vững hàng năm thông qua áp dụng Bộ chỉ số CSI.

25. Chính phủ ủy quyền cho Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải thiện chỉ số Giải quyết tranh chấp hợp đồng và Giải quyết phá sản doanh nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối theo dõi việc cải thiện các chỉ số về môi trường kinh doanh; theo dõi, đánh giá về các ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh; tổng hợp báo cáo Chính phủ tại các phiên họp thường kỳ tháng cuối quý, cuối năm.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ làm đầu mối theo dõi việc cải thiện các chỉ số về đổi mới sáng tạo.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông làm đầu mối theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả và cải thiện chỉ số về Chính phủ điện tử.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm đầu mối theo dõi việc cải thiện các chỉ số về năng lực cạnh tranh ngành du lịch.

5. Bộ Giao thông vận tải làm đầu mối theo dõi việc cắt giảm chi phí logistics và cải thiện các chỉ số về năng lực cạnh tranh ngành logistics.

6. Các bộ đầu mối chịu trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tại các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ cải thiện các chỉ số trong lĩnh vực được phân công làm đầu mối.

b) Tổng hợp kết quả thực hiện cải thiện các chỉ số; đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về chính sách, cơ chế, giải pháp, nhiệm vụ phát sinh để cải thiện các chỉ số được phân công.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các Nghị quyết số 19; coi đây là một nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu của tỉnh, thành phố.

8. Bộ Thông tin và Truyền thông, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức truyền thông, quán triệt, phổ biến Nghị quyết sâu rộng trong các ngành, các cấp; tăng cường theo dõi, giám sát của các cơ quan truyền thông, báo chí về kết quả thực hiện Nghị quyết.

9. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của Hiến pháp 2013 và Quyết định của Bộ Chính trị về hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

10. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết số 19 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

b) Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo. Trước ngày 15 của tháng cuối quý và trước ngày 15 tháng 12, tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện trong quý và cả năm gửi Văn phòng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng cuối quý và cuối năm./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Viện NCQLKTTW, Văn phòng PTBV (Bộ KH&ĐT);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Tổng Thư ký HĐQT về PTBV và Nâng cao NLCT, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KSTT (2).XH **208**



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục
CÁC VĂN BẢN KIẾN NGHỊ BÃI BỎ HOẶC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ)

STT	Tên văn bản	Yêu cầu sửa đổi	Thời hạn hoàn thành	Bộ, ngành phối hợp
I Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì				
1	Soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp.	Khắc phục bất hợp lý, chưa rõ ràng, chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn và khác nhau trong các nội dung có liên quan đến đầu tư, kinh doanh.	Tháng 6/2019	Các Bộ: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp
2	Xây dựng Danh mục ngành nghề loại bỏ khỏi Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục IV Luật Đầu tư số 67/2014/QH13.		Tháng 10/2018	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan
II Bộ Tư pháp chủ trì				
1	Kiến nghị xây dựng dự án Luật đăng ký tài sản hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về đăng ký tài sản tại các luật liên quan (như Luật Đất đai, Luật Nhà ở)	Tạo thuận lợi trong thực hiện thủ tục về đăng ký tài sản, bảo đảm quyền tài sản của người dân, doanh nghiệp.	2018	Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công an

III Bộ Tài chính chủ trì				
1	Sửa đổi quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tại các Thông tư 230/2016/TT-BTC, 279/2016/TT-BTC, 285/2016/TT-BTC và 286/2016/TT-BTC	Giảm đơn giá và giới hạn mức phí tối đa đối với một lô hàng.	2018	Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương
IV Bộ Giao thông vận tải chủ trì				
1	Soạn thảo Nghị định quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô thay thế Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014	Cắt giảm các điều kiện kinh doanh không cần thiết, không phù hợp, không hiệu quả; tạo môi trường cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp.	Quý III/2018	Các Hiệp hội ngành nghề liên quan
2	Ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật Đường sắt		2018	Các bộ, ngành liên quan
V Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì				
1	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, như: - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Nghị định 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng: - Việc kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm hàng hoá nhóm 2 thực hiện theo nguyên tắc chỉ kiểm tra một lần (đã kiểm tra, thử nghiệm khi công bố hợp quy thì không kiểm tra khi nhập khẩu và ngược lại); một mặt hàng chỉ do một cơ quan, đơn vị kiểm tra; áp dụng chế độ kiểm tra sau thông quan gắn liền với quản lý rủi ro, quản lý sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. - Việc công bố hợp quy thực hiện theo nguyên tắc chỉ sản phẩm hàng hoá nhóm 2 mới phải công bố hợp quy; người sản xuất chịu trách nhiệm công bố hợp quy; mỗi dòng sản phẩm chỉ phải công bố hợp quy một lần.	2018	Các bộ, ngành liên quan

VI	Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì			
1	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử	Bảo đảm phù hợp với môi trường kinh tế số và xây dựng Chính phủ điện tử	2018	Các bộ, ngành, địa phương liên quan
VII	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì			
1	Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT và Phụ lục 22 Thông tư 24/2017/TT-BNNPTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn	Thu hẹp diện kiểm dịch sản phẩm động vật.	2018	Các bộ, ngành liên quan
2	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản	Áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, phân luồng ưu tiên.	2018	Các bộ, ngành liên quan
3	Đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung Công văn số 1152/TTg-KTTH ngày 7/7/2010 về việc tăng cường quản lý sản phẩm đông lạnh nhập khẩu	Áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, cho phép doanh nghiệp kinh doanh tuân thủ pháp luật tốt đưa hàng về kho bảo quản của doanh nghiệp để thực hiện việc kiểm dịch theo quy định.	2018	Các bộ, ngành liên quan
4	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa	Chỉ áp dụng cho một số huyện thuộc một số tỉnh ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long nơi có lợi thế tự nhiên về trồng lúa. Đất trồng lúa ở các địa phương khác được tự do chuyển sang các hoạt động nông nghiệp khác	2018	Bộ Tài nguyên và Môi trường
VIII	Bộ Y tế chủ trì			
1	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm	Bãi bỏ quy định “muối dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường I-ốt” tại điểm a khoản 1 Điều 6; bãi bỏ quy định “Bột mì dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường sắt và kẽm” tại điểm b khoản 1 Điều 6. Thay vào đó, chỉ nên khuyến khích doanh nghiệp chế biến thực phẩm sử dụng.	2018	Các bộ, ngành liên quan

IX	Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì			
1	Soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai và các pháp luật có liên quan đến đất đai; soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các pháp luật có liên quan đến bảo vệ môi trường	Bảo đảm thống nhất các quy định về đất đai, bảo vệ môi trường và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp	Tháng 6/2019	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tư pháp, Quốc phòng
2	Kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 63/NQ-CP của Chính phủ ngày 23/12/2009 về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia	Bỏ mục tiêu bảo vệ quỹ đất lúa 3,8 triệu ha; quy định rõ diện tích đất cố định trồng lúa ở một số huyện thuộc một số tỉnh ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long nơi có lợi thế tự nhiên về trồng lúa và khuyến khích trồng lúa ở các địa phương đó.	2018	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 134/2016/QH13 ngày 9/4/2016 về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cấp quốc gia	Giảm mạnh diện tích đất trồng lúa để tạo điều kiện cho chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất và thu nhập.	2018	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
X	Bộ Xây dựng chủ trì			
1	Soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị	Đảm bảo thống nhất với các quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường; tạo thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.	2018	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp